

**CÔNG TY TNHH LET'S VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LET'S VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LET'S VIET COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108301179

**3. Ngày thành lập:** 31/05/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Thế Hiển, Xã Dân Hòa, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh - Đào tạo về kỹ năng sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính. | 8559(Chính) |
| 2.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn du học (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8560        |
| 3.  | Đào tạo đại học và sau đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8542        |
| 4.  | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7911        |
| 5.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4761        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                | 4649        |
| 7.  | Giáo dục mầm non                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8510        |
| 8.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8520        |
| 9.  | Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8531        |
| 10. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8532        |
| 11. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8541        |
| 12. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8551        |
| 13. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8552        |
| 14. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4651        |
| 15. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4652        |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                | 4659        |
| 17. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4759        |
| 18. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7912        |

**6. Vốn điều lệ:** 800.000.000 VNĐ

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội